

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT

Ngày 27-4-2020

V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán:

Ông Cầm Văn Thanh

Ông Hoàng Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phàng Lao X. Trú tại: Bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Giàng Lao X1. Trú tại: Bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Giàng Thị M. Trú tại: Bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lý Thị C. Trú tại: Bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo :

- Nguyên đơn: Ông Phàng Lao X

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn ông Phàng Lao Chua trình bày:

Năm 1992, gia đình ông X chuyển từ bản BH, xã CT, huyện Y xuống bản Đ, xã CT, huyện Y ở. Năm 1993, gia đình ông nhận chuyển nhượng 02 mảnh đất của ông Lò Thanh V (địa chỉ: Bản A, xã LP, huyện Y) và ông Ténh Lao Z (địa chỉ: bản Đ, xã CT, huyện Y). Đến năm 1994, gia đình ông Giàng Lao X1 (người bản P, xã CT) chuyển đến, do không có đất làm nhà nên gia đình ông X1 có mượn của gia đình ông X 01 mảnh đất để dựng nhà ở tạm. Đến năm 2017, gia đình ông X đã nhiều lần đề nghị gia đình ông X1 trả lại phần đất mượn nêu trên nhưng ông X1 không trả, vụ việc đã được UBND xã CT hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 14/3/2019, ông X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông X1 chuyển nhà để trả lại cho ông 2.112m² đất (đất có chiều dài 48m, chiều rộng 44m).

Bị đơn ông Giàng Lao X1 trình bày:

Năm 1992, ông nội của ông X1 là Giàng Lao L lấy vợ hai. Sau đó ông cùng ông nội chuyển xuống bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La ở tại phần đất hiện đang tranh chấp (đất lúc đó thuộc bản CC, sau này tách thành 02 bản là bản CC và bản Đ). Thời gian chuyển xuống làm nương tại vị trí đất tranh chấp là cuối năm 1993, năm 1994 thì chuyển xuống làm nhà ở. Khi đó phần đất tranh chấp là đất bỏ hoang, bãi chăn thả trâu bò.

Năm 1996, sau khi ông X mua đất của ông V xong, ông X rủ ông X1 cùng mua 1 mảnh đất của ông Vát ở gần trước nhà ông X1. Ông X có nói với ông X1 là mua đất của ông V bằng 20kg lợn hơi, giá lợn hơi lúc đó là 10.000đ /1kg. Ông X1 đã trả cho ông X 100.000đ, giữa hai bên không làm giấy tờ, khi chia đất không đo đạc cụ thể. Một phần ao của ông X1 hiện nay gồm một phần mua đất của ông Vát và một phần đất bỏ hoang. Quá trình sử dụng đất, ngày 28/12/1999, gia đình ông X1 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông X1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông X.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng Thị M: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Thị C: Nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ Điều 5 Luật Đất đai 1987; Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật Đất đai 1987; Pháp lệnh về Hợp đồng

dân sự năm 1991; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phàng Lao X về đòi lại đất theo hiện trạng sử dụng, có tứ cạnh: Phía Nam giáp đất ông La dài 30,21m; Phía Bắc giáp đất ông X dài 05đoạn: 5,09m + 16,48m + 13,56m + 14,75m = 66,76m; Phía Tây giáp đường dân sinh gồm 03 đoạn: 10,67m + 25,71m + 27,93m = 63,77m; phía Đông giáp suối gồm 02 cạnh: 50,12m + 16,44m = 66,56m. Diện tích theo hiện trạng là 2.310,6m² (Kèm theo sơ đồ hiện trạng trong hồ sơ vụ án). Diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P885396 mang tên ông Giàng Lao X1 được cấp theo Quyết định số: 547/QĐ-UB ngày 28/12/1999 của UBND Y là 1.600m².

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 8/12/2019 ông Phàng Lao X có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Giàng Lao X1 phải trả lại diện tích đất 2.112m² cho gia đình ông và xem xét về chi phí tố tụng.

Quan điểm của bị đơn: Không nhất trí trả lại đất, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Giàng Thị M nhất trí với ý kiến của ông Phàng Lao X

Chị Lý Thị C nhất trí với ý kiến của ông Giàng Lao X1

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phàng Lao X, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Phàng Lao X xác định diện tích đất do bị đơn ông Giàng Lao X1 đang quản lý sử dụng thửa số 20, 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 885396 là của ông cho gia đình ông X1 mượn. Nay ông khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất trên. Phía bị đơn Giàng Lao X1 xác định diện tích đất tranh chấp thuộc sở hữu hợp pháp của bị đơn, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của nguyên đơn Phàng Lao X, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa các bên không rõ ràng, Phàng Lao X xác định diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Lò Thanh V và ông Tênh Lao Z từ năm 1993, 1994 và có cho bị đơn Giàng Lao X1 mượn để dựng nhà, sử dụng. Bị đơn Giàng Lao X1 chỉ thừa nhận có mua lại một phần nhỏ diện tích đất của ông Phàng Lao X (sau khi ông X nhận chuyển nhượng của ông V), phần đất này hiện nằm trong diện tích đất ao của ông X1; số diện tích đất còn lại là đất hoang hóa, bãi chăn thả trâu bò. Quá trình lấy lời khai của ông Lò Thanh V, Tênh Lao Z xác định có sự chuyển nhượng đất giữa các ông và ông Phàng Lao Chua, nhưng các bên đều không có tài liệu, căn cứ nào công nhận là đất của ai, ông V và ông Z cũng không có giấy tờ giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về giấy tờ mua bán giữa ông X với ông V và ông Z, ông X khai mua bán năm 1993 nhưng đến năm 2017 mới làm giấy tờ với nhau, thực tế ông Z và ông V không có giấy tờ về đất nên không có quyền của chủ sử dụng đất (không có quyền được phép chuyển nhượng). Do phía ông X khai nhận chuyển nhượng, nhưng ông Z và ông V cũng không có quyền chuyển nhượng, nếu có yêu cầu thì khởi kiện vụ án khác.

Thực tế ông Giàng Lao X1 đã sử dụng đất ổn định từ năm 1992 và không có tranh chấp với ai. Năm 1999 kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng thời điểm ông X cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai diện tích mà ông cho rằng đã cho ông X1 mượn, ông X cũng không có căn cứ, giấy tờ gì để chứng minh việc cho mượn đất, trong khi đó ông X1 không thừa nhận mượn đất của ông X. Như vậy, không có căn cứ cho mượn đất nên đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông X1. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông X là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Phàng Lao X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 10.450.000đ, ông X mới nộp tạm ứng 5.000.000đ, số tiền còn lại do Tòa án Y ứng trước. Do yêu cầu khởi kiện của ông Phàng Lao X không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm tuyên buộc phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là có căn cứ.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Phàng Lao X là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phàng Lao X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ Điều 5 Luật Đất đai 1987; Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật Đất đai 1987; Pháp lệnh về Hợp đồng dân sự năm 1991; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phàng Lao X về việc yêu cầu ông Giàng Lao X1 trả lại 2.112m² đất tại bản Đ, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Phàng Lao X phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền 5.450.000đ (Năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Phàng Lao X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phàng Lao X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2016/0002506 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/4/2020).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền